

**Tập 169**

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang ba trăm sáu mươi hai:

*(Sao) Cứ thất loại thứ đệ, văn pháp tiên đương niệm trì, thứ tức cần tu, cần cố nhiếp tâm điều nhu, nhu cố thành Căn, Căn tăng thành Lực, nãi Thất Giác phân biệt, Bát Đạo chánh hạnh. Kim trọng Tín giả, thử kinh dĩ Tín vi chủ, nhi Căn Lực nhị câu thủ Tín, Tín trì dư tứ, thị đạo chi nguyên, đức chi mẫu dã. Như Ngũ Vị chi trung, Tín diệc cư sơ. Thập Tín chi trung, Tín diệc cư sơ. Thập nhất thiện pháp, Tín diệc cư sơ cố.*

(鈔) 據七類次第，聞法先當念持，次即勤修，勤故攝心調柔，柔故成根，根增成力，乃七覺分別，八道正行。今重信者，此經以信為主，而根力二俱首信，信持餘四，是道之元，德之母也。如五位之中，信亦居初；十信之中，信亦居初；十一善法，信亦居初故。

*(Sao: Xét theo thứ tự của bảy loại, nghe pháp thì trước hết nên niệm trì, kế đến là siêng tu. Do siêng năng nên nhiếp tâm điều hòa, mềm mỏng. Do mềm mỏng nên thành Căn, Căn tăng trưởng thành Lực, cho đến Thất Giác phân biệt, Bát Đạo chánh hạnh. Nay vì chú trọng Tín, kinh này lấy Tín làm chủ yếu, mà hai khoa Căn và Lực đều xếp Tín hàng đầu. Tín bao gồm bốn điều còn lại, Tín là nguồn đạo, là mẹ của đức. Như trong Ngũ Vị, Tín cũng đứng đầu. Trong Thập Tín, Tín cũng đứng đầu. Trong mười một thiện pháp, Tín cũng đứng đầu).*

Phân giải thích kinh văn này nói rõ nguồn cội [vì sao có] thứ tự Ba Mươi Bảy Đạo Phẩm trong bản kinh này. Đức Phật nói bộ kinh này, đã tinh lược ba khoa trước trong Ba Mươi Bảy Phẩm, bắt đầu giảng từ Ngũ Căn và Ngũ Lực. Ở đây, đại sư chỉ rõ nguyên nhân, hết sức đáng cho chúng ta chú ý. Tuy [đức Phật] chẳng nói những khoa trước, nhưng mỗi khoa sau lại sâu hơn khoa trước, khoa sau lấy khoa trước làm cơ sở. Nói khoa sau, nhất định là khoa trước được bao gồm trong ấy. Đó là đạo lý nhất định.

“*Văn pháp tiên đương niệm trì*” (Nghe pháp thì trước hết hãy nên niệm trì), “*niệm*” là Tứ Niệm Xứ. Bất luận Đại Thừa hay Tiểu Thừa, đối với Phật pháp, chúng ta biết điều được mong cầu là trí huệ, là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Mong cầu trí huệ viên mãn, nhất định phải dùng huệ tâm để cầu. Chắc chắn là mê hoặc, điên đảo chẳng thể thành tựu trí huệ, huống hồ là trí huệ viên mãn rốt ráo! Do đó, học Phật pháp từ chỗ nào? Ở đây, [lời Sao] đã cho chúng ta biết nguyên tắc và nguyên lý: Bất luận tông phái nào, bất luận pháp môn nào, tại Trung Quốc, Đại Tiểu Thừa có mười tông phái, có khá nhiều pháp môn, như kinh thường nói là “*tám vạn bốn ngàn pháp môn*”, hoặc “*vô lượng pháp môn*”, nhưng phương tiện để thực hiện sự tu tập trong các tông phái và pháp môn đều là Tứ Niệm Xứ. Trước khi đức Phật diệt độ, tôn giả A Nan đã hỏi đức Phật bốn vấn đề, trong đó có một câu hỏi là: “*Phật tại thế, chúng con nương vào Phật để trụ. Phật chẳng còn tại thế thì chúng con nương vào ai để trụ?*” Đức Phật liền nói: “*Nương vào Tứ Niệm Xứ để trụ*”. Có thể thấy Tứ Niệm Xứ vô cùng trọng yếu.

Thuở ấy, trong hội giảng kinh đó, ngài A Nan thị hiện thân phận Tiểu Thừa. Trong kinh Đại Thừa, nhất là kinh Bát Nhã, chẳng hạn như trong kinh Kim Cang, tôn giả Tu Bồ Đề nêu ra hai câu hỏi, một trong hai câu hỏi là: “*Nên trụ như thế nào?*” Nếu dựa theo nguyên tắc này để trả lời sẽ là: “*Nương theo Tứ Niệm Xứ để trụ*”. Câu trả lời rất đơn giản! Đương nhiên, cảnh giới Kim Cang Bát Nhã là cảnh giới của bậc Sơ Trụ trở lên, là cảnh giới của Pháp Thân đại sĩ, Ngài (Tu Bồ Đề) chẳng phải là Tiểu Thừa. Nếu là Tiểu Thừa, thì phải nương vào Tứ Niệm Xứ để trụ. Do Ngài là [căn tánh] Đại Thừa, nên trong kinh Đại Thừa, đức Phật dạy: “*Hãy nên chẳng trụ vào đâu để sanh tâm*”. Nói thật ra, “*chẳng trụ vào đâu*” chính là trụ viên mãn trong Tứ Niệm Xứ! Vì Tứ Niệm Xứ là trí huệ, Tứ Niệm Xứ là Huệ Quán: Quán thân bất tịnh, quán thọ là khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã. Chư vị ngẫm xem: Đạt đến “*chẳng trụ vào đâu*” chính là viên mãn bốn phép Quán ấy. Do đó, Tứ Niệm Xứ là phương tiện trước hết để chúng ta tu tập trong học Phật, mà cũng là phương tiện thoát đầu để nhập môn.

Trong Tịnh Độ Tông, nói thật ra, một câu Phật hiệu đã bao gồm viên mãn Tứ Niệm Xứ trong ấy. Không chỉ riêng Tứ Niệm Xứ, mà còn là toàn thể Ba Mươi Bảy Đạo Phẩm, cho đến Lục Độ vạn hạnh của Bồ Tát đều không ra khỏi một câu danh hiệu này, nên danh hiệu có công đức chẳng thể nghĩ bàn. Không chỉ là từ xưa tới nay các vị tổ sư đại đức đều cùng thừa nhận, dầu cho mười phương chư Phật, Bồ Tát cũng chẳng

ra ngoài lệ ấy, đều công nhận pháp môn này là một pháp môn đơn giản nhất, dễ dàng nhất, viên mãn nhất, nhanh chóng nhất, ổn thỏa, thích đáng nhất, pháp nào cũng trọn đủ. Kinh Hoa Nghiêm nói: “*Một tức là nhiều, nhiều tức là một*”, “*một*” là Nam-mô A Di Đà Phật, “*nhiều*” là vô lượng vô biên pháp môn. Pháp môn này là hết thảy các pháp môn, hết thảy các pháp môn đều quy kết một pháp môn này, thật sự chẳng thể nghĩ bàn! Vì thế, phàm là người thật thà niệm Phật, chắc chắn sẽ thành tựu trong một đời này.

Nhất là trong thời đại này, nói theo toàn thể thế giới trong thời đại này, nói theo toàn bộ quá trình lịch sử, thì là đời loạn! Vì sao gọi là đời loạn? Vì hết thảy chúng sanh đều chẳng tuân thủ điển chương, chế độ! Nói theo cách hiện thời, họ không tuân thủ pháp luật, không nói tới đạo đức, nhân, nghĩa, lễ, nên là đời loạn. Đời loạn, con người khổ lắm! Đời loạn thì càng phải hết sức thấu hiểu “*nhân mạng vô thường, quốc độ nguy thùy*” (mạng người vô thường, cõi nước mong manh) như kinh Bát Đại Nhân Giác đã dạy. Hôm trước, tôi nhận được thư của một vị đồng tu ở Cự Kim Sơn. Trong thư của ông ta, câu đầu tiên là trích dẫn hai câu [kinh Bát Đại Nhân Giác] ấy. Ông ta viết: “*Chúng con đã thật sự thấu hiểu. Lạc Sơn Cơ (Los Angeles) bị động đất bất quá là trong khoảng thời gian mấy giây mà đã biến đổi vận mạng của cả đồng người!*” Đức Phật thường nhắc nhở chúng ta: “*Sanh tử sự đại*” (Sanh tử là việc lớn). Đừng nghĩ chúng ta hãy còn trẻ tuổi, thời gian còn dài lắm! Nghĩ như vậy là sai mất rồi! Nhất định phải nhận rõ: Trong thời đại này, bản thân chúng ta có phước báo to cỡ nào? Có bao nhiêu thiện căn, phước đức, nhân duyên? Chính mình hãy nghiêm túc phản tỉnh đôi chút, thật sự là chẳng có, vậy thì hãy niệm một câu A Di Đà Phật đến cùng, chẳng làm chuyện gì khác nữa! Cư sĩ Châu Quảng Đại ở Hoa Thịnh Đốn (Washington), Hoa Kỳ, niệm Phật ba ngày, A Di Đà Phật liền tiếp dẫn vãng sanh, đó mới là tấm gương chân thật cho chúng ta. Thông Tông, thông Giáo chẳng thể liễu sanh tử, chúng ta phải thật sự giác ngộ chuyện này! Chỉ có mỗi niệm Phật, thật thà niệm Phật, thì mới có thể thật sự giải quyết vấn đề. Do lẽ đó, Niệm Phật Đường thường nói: “*Buông thân, tâm, thế giới xuống*”; buông thân, tâm, thế giới xuống chính là quán Tứ Niệm Xứ.

“*Thứ tức cần tu*” (Kế đến là siêng tu), tức là Tứ Chánh Cần. Trong Tứ Chánh Cần, chia thành hai loại thiện và ác. “*Dĩ sanh thiện linh tăng trưởng, vị sanh thiện linh sanh*” (Điều thiện đã sanh khiến cho tăng trưởng, điều thiện chưa sanh khiến cho sanh), thiện là gì? Niệm A Di Đà

Phật là thiện, chẳng có gì thiện hơn chuyện này. Ý niệm niệm A Di Đà Phật chưa đầy động, ngay lập tức phải sanh khởi. Đã sanh khởi, bèn mong mỗi câu Phật hiệu chẳng bị gián đoạn. Ác là gì? Nói thật thà, ngoại trừ A Di Đà Phật, tất cả hết thảy các niệm đều là ác. Vì sao? Các niệm ấy đều là nghiệp nhân của sự luân hồi trong lục đạo. Khởi lên những niệm ấy, sẽ chẳng thể lìa khỏi lục đạo luân hồi. Quý vị khởi một thiện niệm, bèn là [nghiệp nhân của] ba thiện đạo. Khởi một ác niệm, bèn là [nghiệp nhân của] ba ác đạo. Do vậy, thiện niệm hay ác niệm đều chẳng phải là chân thiện, đều là tạo nghiệp luân hồi trong lục đạo. Vì thế, phải hiểu: Niệm A Di Đà Phật mới là điều thiện chân chánh. Chẳng còn muốn làm chuyện luân hồi trong lục đạo nữa, nên chúng ta đoạn ác thì phải đoạn hết thảy vọng tưởng, chấp trước, đoạn sạch những niệm ấy. Chỉ khởi lên một niệm, kinh Vô Lượng Thọ nói là “*nhất hướng chuyên niệm*”, trọng yếu lắm!

Nếu một người khẳng khăng một mực tu học như vậy, thừa cùng chư vị, mười phương chư Phật tán thán, hết thảy Bồ Tát tận đáy lòng bội phục [người ấy], vì sao? Bao nhiêu vị Bồ Tát chẳng làm được, mà quý vị có thể làm được! Nói theo thiện căn, [“nhất hướng chuyên niệm”] sẽ là thiện căn bậc nhất, cao minh hơn những kẻ nghiên cứu Giáo, thông Tông rất nhiều! Vì kẻ học Giáo, thông Tông, rớt cuộc trong một đời này có thể thoát luân hồi hay chẳng, đích xác là chẳng nắm chắc! Tôi nghĩ nhiều đồng tu đã biết câu chuyện Tam Sanh Thạch (hòn đá ba đời). Thuở trước, thiền sư Viên Trạch có thể biết quá khứ, vị lai, biết vị phu nhân nọ đã mang thai ba năm, đợi Sư đến đầu thai. Sư có năng lực ấy, nhưng kết quả là chẳng có cách nào khác, vẫn phải đi đầu thai! Sau khi đầu thai, biết chuyện đời trước, biết chuyện đời sau, vẫn chẳng thoát khỏi luân hồi. Có năng lực như vậy, chẳng đơn giản! Nói thật thà, người như vậy chẳng bằng ông Châu Quảng Đại!

Lão pháp sư Đế Nhân là một vị tổ sư của Thiên Thai Tông trong thời cận đại, các vị Đàm Hư và Bảo Tĩnh đều là đệ tử của Ngài, nhưng thành tựu của Ngài chẳng bằng một đồ đệ niệm Phật ba năm đứng sững vãng sanh, chính lão hòa thượng thừa nhận như vậy. Người đồ đệ ấy đứng vãng sanh, đã chết rồi mà vẫn đứng sững ba ngày, chờ lão hòa thượng đến lo liệu hậu sự cho ông ta. Người đồ đệ ấy suốt đời chưa hề nghe kinh lần nào, một bộ kinh cũng chưa từng niệm, không biết chữ, chẳng hiểu Phật pháp. Lão hòa thượng dạy ông ta một câu Nam-mô A Di Đà Phật, dặn: “*Ông cứ thật thà niệm một câu này. Hễ niệm một bèn nghỉ ngơi. Nghỉ khỏe khoắn rồi lại niệm tiếp*”. Ông ta niệm như vậy suốt ba

năm, biết trước lúc mất, đứng vãng sanh. Người này đáng gọi là “người thật thà”. Chúng ta là những kẻ chẳng thật thà! Do không thật thà, nên chẳng có thành tựu như người thật thà kia! Vì thế, Tứ Niệm Xứ là trí huệ, dạy chúng ta thấy thấu suốt, buông xuống. Sau khi đã buông xuống, nghiêm túc tu hành thì phải tinh tấn. Tứ Chánh Cần là tinh tấn.

Tinh Tấn thì mới có thể đắc Định. Tứ Như Ý Túc là Định. “*Căn cố nhiếp tâm điều nhu*” (Do siêng năng nên nhiếp tâm điều hòa, mềm mỏng), “*nhiep tâm điều nhu*” là Tứ Như Ý Túc. Đây là nói về thứ tự tu hành. Những người tu hành chân chánh vãng sanh trong thời cận đại chẳng ngã bệnh, biết trước lúc mất, ra đi tự tại như vậy, xác thực là đã tuân theo thứ tự ấy. Nếu quý vị hỏi han cặn kẽ, người ấy có hiểu thứ tự ấy hay không? Về căn bản, họ chẳng hiểu. Tuy không hiểu, họ làm hoàn toàn giống hệt, đích xác là đối với hết thầy đều tri túc, đối với pháp thế gian lẫn Phật pháp đều tri túc. Sau khi đã tri túc, lúc đó mới thật sự có thiện căn. Chúng ta chẳng có những điều vừa nói trên đây, lấy đâu ra thiện căn? Nay chúng ta học Phật, chẳng có Căn! Nói cách khác, đều đang đánh dấu hỏi, chẳng biết đang học gì, cũng chẳng biết học theo cách nào, lung lay, chao đảo, niệm Phật cũng là nửa tin nửa ngờ, làm sao có thể đạt thành tựu cho được? Nhất định phải là khăng khăng một mực thì mới có thể thành tựu.

Nhìn từ thứ tự ấy, chúng ta biết: Thật sự đã có Căn, có thiện căn niệm Phật, thì có thể nói là quý vị quyết định nắm chắc vãng sanh. Vì sao? Đạt đến cảnh giới ấy, [tức là] đạt đến cảnh giới Ngũ Căn và Ngũ Lực, công phu niệm Phật của quý vị quyết định thành phiến, đã đạt được công phu thành phiến. Đạt được công phu thành phiến thì chắc chắn vãng sanh cõi Phạm Thánh Đồng Cư, ba bậc, chín phẩm! Căn và Lực đạt đến một mức độ kha khá, thì cũng có thể nói là người vãng sanh trong ba phẩm thượng nơi cõi Phạm Thánh Đồng Cư, quyết định là sanh tử tự tại. Không cần phải đạt đến nhất tâm, [đã đắc] nhất tâm [thì vãng sanh với phẩm vị cao] lại càng chẳng cần phải nhắc tới. Cõi Phạm Thánh Đồng Cư là đối nghiệp vãng sanh, công phu thành phiến là được rồi, sanh tử tự tại. Đạt đến sanh tử tự tại, sẽ giống như Tâm Kinh đã nói: “*Độ hết thầy khổ ách*”, [nghĩa là] hết thầy khổ ách đều chẳng có. Vì sao? Vì quý vị có thể vãng sanh bất cứ lúc nào. Tai nạn nào trong thế gian này, quý vị cũng chẳng phải gánh chịu. Tai nạn xảy đến, quý vị vãng sanh, trở về thế giới Cực Lạc.

Thật sự niệm đến mức công phu thành phiến là như thế nào? Không có cách nào tránh khỏi ba giai đoạn trước đó. Nói quy nạp lại, nói

đơn giản, phải thấy thấu suốt, phải buông xuống, đó là Tứ Niệm Xứ; Tứ Chánh Cần là phải sót sáng tinh tấn. Phải một mực chuyên niệm, một mực chuyên niệm là Tứ Như Ý Túc, Túc là tri túc. Tri túc trong cuộc sống trên thế gian, đối với tất cả hết thấy Phật pháp, ta lấy bỏ cũng là tri túc. Ta chỉ giữ lấy trì danh niệm Phật, hết sức tri túc, những pháp môn khác thấy đều bỏ sạch, thấy đều buông xuống.

“*Nãi Thất Giác phân biệt, Bát Đạo chánh hạnh*” (Cho đến Thất Giác phân biệt, Bát Chánh Đạo chánh hạnh), từ đây phải nâng cao công phu thành Thất Giác Chi, Bát Chánh Đạo. Nói theo pháp môn Niệm Phật, sẽ là Sự nhất tâm bất loạn và Lý nhất tâm bất loạn. Đây là nói rõ thứ tự của bảy loại [trong Ba Mươi Bảy Đạo Phẩm].

“*Kim trọng Tín giả*” (Nay do coi trọng Tín), trong kinh này, đối với Ba Mươi Bảy Phẩm, đức Thế Tôn nói từ Ngũ Căn và Ngũ Lực. Vì sao? Vì điều thứ nhất trong Ngũ Căn và Ngũ Lực là Tín, chỉ rõ pháp môn này lấy Tín làm Chủ. Do đó, trong Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã nói tu Tịnh Độ có ba điều kiện (ba tư lương) là Tín, Nguyện, Hạnh. Quý vị trọn đủ cả ba điều kiện ấy, đời này quyết định vãng sanh thấy Phật. Trong ba điều kiện, Tín được xếp đứng đầu. Ở đây, đức Phật nói từ Ngũ Căn và Ngũ Lực, hàm ý hết sức sâu xa. “*Căn Lực*” là Ngũ Căn và Ngũ Lực, “*nhị câu thủ Tín*” [nghĩa là trong Ngũ Căn và Ngũ Lực], Tín xếp vào vị trí thứ nhất. “*Tín trì dư tứ*”, [nghĩa là] bốn điều khác là Tấn, Niệm, Định, Huệ, cả bốn điều ấy đều lấy Tín làm cội gốc, làm chủ. Đây là lý do vì sao đức Phật nói từ Ngũ Căn, Ngũ Lực, thâm ý ở chỗ này. “*Thị đạo chi nguyên, đức chi mẫu dã*” (Là nguồn đạo, là mẹ công đức), trong các kinh Đại Thừa, đức Phật thường nói như vậy. “*Tín vi đạo nguyên, công đức mẫu*” (Tín là nguồn đạo, mẹ công đức), kinh Hoa Nghiêm nói như vậy; mà Đại Trí Độ Luận cũng nói như vậy. “*Đạo*” là Phật đạo.

Sách Diễn Nghĩa giảng: “*Đạo chi nguyên, đức chi mẫu giả, đạo thị Phật đạo. Phật đạo vô thượng, nhi Tín vi đạo chi nguyên, đức vi công đức, Phật đức vô lượng, nhi Tín vi đức chi mẫu*” (“Nguồn đạo, mẹ của đức”: Đạo là Phật đạo. Phật đạo vô thượng, mà Tín là nguồn cội của đạo. “Đức” là nói tới công đức. Phật đức vô lượng, nhưng Tín là mẹ của các đức). Nói cách khác, Tín có thể sanh ra vô thượng Phật đạo, Tín có thể sanh ra vô lượng công đức. Do lẽ đó, tín tâm rất quan trọng.

“*Như Ngũ Vị trung, Tín diệc cư sơ*” (Như trong Ngũ Vị, Tín cũng đứng đầu). Ngũ Vị là nói đến các địa vị của Bồ Tát. Bồ Tát có năm thứ bậc địa vị: Địa vị Thập Tín, địa vị Thập Trụ, địa vị Thập Hạnh, địa vị

Thập Hồi Hương và địa vị Thập Địa, năm loại địa vị ấy cũng xếp Tín đứng đầu. “*Thập Tín chi trung, Tín diệc cư sơ*” (Trong Thập Tín, Tín cũng đứng đầu), trong Thập Tín, điều thứ nhất là Tín Tâm. Sách Diễn Nghĩa giảng: “*Tín diệc cư sơ giả, vị Thập Tín vị, thì tự sơ Tín Tâm, nhị Niệm Tâm, tam Tinh Tấn Tâm, nãi chí thập Nguyên Tâm*” (“Tín cũng đứng đầu” ý nói: Địa vị Thập Tín bắt đầu bằng địa vị thứ nhất là Tín Tâm, thứ hai là Niệm Tâm, thứ ba là Tinh Tấn Tâm, cho đến thứ mười là Nguyên Tâm). Trong các địa vị thuộc Thập Tín, Sơ Tín Vị Bồ Tát được gọi là Tín Tâm Vị. “*Thập nhất thiện pháp, Tín diệc cư sơ*” (Trong mười một thiện pháp<sup>1</sup>, Tín cũng đứng đầu). Trong mười một thiện pháp của Bách Pháp Minh Môn Luận, thiện pháp thứ nhất là Tín. Đại sư nêu ra nhiều ví dụ như vậy để chỉ rõ tầm quan trọng của tín tâm, cũng nhằm chỉ rõ đức Phật giảng kinh này, nói ra Ngũ Căn và Ngũ Lực với hàm nghĩa sâu xa.

***(Sao) Thượng tam khoa giả, tòng Niệm Xứ, Chánh Căn, Như Ý, tu vi chí thử, phương đắc Căn Lực kiên cố, năng sử tiền sở đắc pháp vô hữu thoái thất cố. Hựu hậu đương đắc pháp, tất cánh năng đắc, diệc diêu hồ Tín, cố thủ cử dã.***

(鈔) 上三科者，從念處、正勤、如意，修為至此，方得根力堅固，能使前所得法無有退失故，又後當得法，畢竟能得，亦繇乎信，故首舉也。

*(Sao: Ba khoa trước từ Niệm Xứ, Chánh Căn, Như Ý, tu tập cho đến chỗ này thì mới đạt được Căn và Lực kiên cố, có thể khiến cho những pháp đã đạt được trước đó chẳng bị lui sụt, mất đi. Lại nữa, đối với những pháp sẽ đạt được sau đó, có thể rất ráo đạt được thì cũng do cậy vào Tín, nên nêu Tín đầu tiên).*

Đoạn này đã chỉ ra rành rẽ thứ tự tu học và tánh chất trọng yếu của thứ tự ấy. Nhất định phải tu học từ Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Căn, và Tứ Như Ý “*Tu vi chí thử*” (Tu tập đến chỗ này), chữ Thử (此) chỉ Ngũ Căn và Ngũ Lực. Điều này rất đáng cho chúng ta phản tỉnh thật sâu, nay chúng ta thường nói “*công phu chẳng đắc lực*”; công phu chẳng đắc lực

---

<sup>1</sup> Mười một thiện pháp là Tín, Tinh Tấn, Tàm, Quý, Bất Tham, Bất Sân, Bất Si, Khinh An, Bất Phóng Dật, Hành Xả, Bất Hại.

là vì thiếu Ngũ Lực, nên chẳng đắc lực. Không chỉ chẳng đắc lực, ngay cả Căn mà còn chẳng có, lấy đâu ra Lực? Vì sao chẳng có Căn? Do chẳng có ba điều trước đó! Trong kinh luận thường nói, nhất là kinh Vô Lượng Thọ thường dạy: “*Một niệm tương ứng một niệm Phật*”. Tương ứng là gì? Phải tương ứng với ba khoa trước; nhưng chúng ta rất ít khi nhắc tới ba khoa ấy, Đại Kinh thường nói là “*tương ứng với hạnh nguyện của A Di Đà Phật*”. Giống trong tựa đề kinh [Vô Lượng Thọ đã nói], tương ứng với tâm bình đẳng, tương ứng với tâm thanh tịnh, tương ứng với giác tâm. Chư vị hãy nghĩ xem: “*Bình đẳng, thanh tịnh, giác*” có phải là ba khoa trước hay chẳng? Nếu chẳng tu Tứ Niệm Xứ, tâm quý vị làm sao có thể thanh tịnh cho được? Quý vị làm sao có thể bình đẳng cho được? Chẳng thể nào làm được! Vì thế, nói “*thanh tịnh, bình đẳng*” thì không chỉ là phá Thân Kiến, mà Ngã Chấp cũng phá. Không chỉ phá Ngã Chấp, mà Pháp Chấp cũng phá. Vì quý vị có Pháp Chấp thì tâm quý vị vẫn là bất bình đẳng, vì sao? Trong hết thấy các pháp, pháp của ta là bậc nhất, pháp của quý vị chẳng bằng [pháp của] ta. Đó là Pháp Chấp! Trong hết thấy các pháp, quý vị vẫn bất bình đẳng như cũ. Phá Pháp Chấp, vạn pháp bình đẳng, không chỉ hết thấy các pháp do đức Phật đã nói là bình đẳng, mà Phật pháp và hết thấy các pháp thế gian cũng là bình đẳng, vì sao? Từ trong một tự tánh lưu xuất, Thế là bình đẳng. Bởi lẽ, đức Phật nói hết thấy các pháp, là từ trong pháp bình đẳng mà nói bất bình đẳng. Từ trong bình đẳng nói bất bình đẳng, nhưng vẫn là chân thật bình đẳng y như cũ!

Vì sao hết thấy chư Phật tán thán pháp môn này là bậc nhất? Học pháp môn này dễ dàng. Pháp là bình đẳng, nhưng căn tánh của chúng sanh bất bình đẳng. Căn tánh là gì? Là mức độ mê hoặc, chấp trước của quý vị bất bình đẳng. Chẳng phải là pháp bất bình đẳng, mà do mức độ chấp trước, phân biệt, vọng tưởng của hết thấy chúng sanh bất bình đẳng. Tất cả hết thấy phân biệt, chấp trước, vọng tưởng hết sức bất bình đẳng, nhưng pháp môn này thấy đều phù hợp, thấy đều có thể thành tựu. Vì lẽ đó, hết thấy chư Phật, Bồ Tát đều tán thán pháp môn này. Ví như Hoa Nghiêm và Pháp Hoa, tư cách nào mới có thể học? Viên Giáo Sơ Trụ Bồ Tát mới có thể học. Đối tượng tiếp dẫn của các kinh ấy là bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ. Nếu quý vị là Pháp Thân đại sĩ, là đương cơ của pháp môn ấy, bèn có trình độ phù hợp khít khao để học pháp môn ấy. Ta chẳng thuộc trình độ ấy, mà học pháp môn ấy, há chẳng phải là tự chuốc khổ hay sao? Cũng có thể nói là đức Phật nói tất cả các pháp môn, những pháp môn ấy đều có điều kiện đặc thù; chúng ta có phù hợp điều



kiện hay không? Đối với căn tánh, trình độ, và hoàn cảnh sống của chúng ta đều phải suy xét xem có thích hợp để tu pháp môn ấy hay không? Nếu chẳng thích hợp, chúng ta hãy chọn lựa một pháp môn thích hợp để tu, [vì] biết các pháp môn đều như nhau. Vì pháp môn nào cũng có thành tựu hoàn toàn giống như nhau, chỉ là phương thức tu tập khác nhau. Đó là phương tiện! Phải liễu giải đến mức độ sâu xa này!

Vì vậy, tâm chúng ta thanh tịnh, bình đẳng thì Niệm Xứ, Chánh Cần, và Như Ý Túc thầy đều trọn đủ. Không chỉ trọn đủ, mà còn trọn đủ viên mãn. Nếu chẳng thể đạt tới tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, bèn chẳng ngại lưu ý ba khoa Niệm Xứ, Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc, dùng ba khoa ấy để giúp chính mình, khiến cho câu Phật hiệu có thể tương ứng với “thanh tịnh, bình đẳng, giác”. Ba khoa ấy thật sự có thể giúp đỡ. Có cơ sở như vậy thì mới có thể đạt được Ngũ Căn, Ngũ Lực, nên công phu bèn đắc lực. Công phu đã đắc lực, tất nhiên có pháp hỷ. Trong Thất Bồ Đề Phần có Hỷ, quyết định là có pháp hỷ. “*Năng sử tiền sở đắc pháp vô hữu thoái thất cố*” (Có thể khiến cho những pháp được trước đó chẳng bị lui sụt, mất đi), những pháp trước đó như Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, và Tứ Như Ý Túc sẽ không bị lui sụt, chẳng bị thoái chuyển, mất đi. Cũng có nghĩa là tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm từ bi chỉ có thể tăng trưởng, chẳng bị thoái chuyển, vì sao? Vì quý vị đã có Căn và Lực.

“*Hậu đương đắc pháp*” (Những pháp sẽ đạt được sau đó), ở đây là nói đến Thất Bồ Đề Phần và Bát Thánh Đạo, quý vị quyết định sẽ chứng đắc. Nếu nói theo tông này, sau [công phu thành phỉến] có Sự nhất tâm và Lý nhất tâm, quý vị nhất định có thể đạt được. “*Tất cánh năng đắc, diệc diêu hồ Tín*” (Có thể rốt ráo đạt được cũng do cậy vào Tín): Những điều ấy quý vị đều phải tin. Nếu quý vị chẳng tin, sẽ chẳng có cách nào. Vì vậy, Tín hết sức trọng yếu. Quý vị thật sự có thể tin thì mới chịu buông xuống, mới chịu xả. Vì sao không thể buông xuống được? Do không tin! Chẳng tin tưởng! Vì thế, thật sự tin tưởng thì hết thầy đều buông xuống.

Do vậy, nhìn vào [các tấm gương] như ông Châu Quảng Đại và người đồ đệ của lão hòa thượng Đế Nhân, lại còn có pháp sư Tu Vô được nhắc tới trong Niệm Phật Luận. Lão pháp sư Đàm Hư, lão pháp sư Định Tây, và lão pháp sư Đế Nhân tận mắt thấy sư Tu Vô vãng sanh. Vị này khi chưa xuất gia làm thợ nề, chẳng biết chữ, mà cũng chẳng biết niệm kinh. Sau khi xuất gia, biết một câu A Di Đà Phật dễ dàng, nên suốt ngày từ sáng đến tối niệm một câu Phật hiệu này. Quý vị thấy Sư vãng sanh tự tại lắm. Cụ Đế Nhân trông thấy, bội phục! Sư biết trước lúc

mất, chẳng ngã bệnh. Sư giúp việc trong giới đàn; khi ấy, Trụ Trì chùa Cực Lạc là pháp sư Đàm Hư, pháp sư Giám Viện Dương Gia là pháp sư Định Tây. Sư Tu Vô xin hai vị lão hòa thượng cho nghỉ vì sắp vãng sanh Tây Phương. Đến ngày hôm sau, tới từ biệt lão hòa thượng: “Con phải đi trong ngày hôm nay!” Những tám gương ấy bày ra ngay trước mặt chúng ta, nếu chúng ta chẳng buông xuống được, đáng thương quá! Nói theo kiểu Cơ Đốc Giáo, rõ ràng là những vị ấy đã “làm chứng” ở ngay trước mặt quý vị. Nói theo Phật pháp, đây là Tác Chứng Chuyển trong Tam Chuyển Pháp Luân. Đây là chứng cứ chân thật, Tác Chứng Chuyển. Nếu quý vị chẳng tin, [tức là] quý vị chẳng có tín tâm, nói gì được nữa!

Vì vậy, chúng ta thấy gương của những vị ấy, là những sự thật ngàn vạn phần xác đáng, chúng ta còn phải học kinh luận này nọ để làm gì nữa? Hãy thật thà tuân thủ câu nói của Liên Trì đại sư: “*Tam Tạng mười hai bộ nương cho kẻ khác ngộ*”. Chính chúng ta phải thừa nhận, ta không bằng những vị đó, họ có năng lực chuyên nghiên cứu Tam Tạng mười hai bộ, nhưng ta chẳng có khả năng ấy, liền học theo gương của mấy vị trước mắt. Họ niệm Phật có thể vãng sanh, ta niệm Phật cũng có thể vãng sanh, ta đã thỏa ý rồi! Tín tâm của chúng ta thật sự kiến lập, lòng tin ấy vừa có Căn vừa có Lực, chẳng còn bị lay động nữa, mà cũng chẳng bị biến đổi nữa, lòng tin ấy liền sanh ra sức mạnh. Điều thứ nhất trong Thất Bồ Đề Phần là Trạch Pháp, chúng ta chọn lựa pháp Trì Danh Niệm Phật, nhất tâm nhất ý cầu sanh Tịnh Độ. Chúng ta chọn lựa pháp môn này, tâm định nơi pháp môn này, tư tưởng và kiến giải đều đặt nơi pháp môn này, Bát Chánh Đạo bèn thành tựu. Vì vậy, nói đến chuyện thật thà trong học Phật, người nào đáng gọi là thật thà? Ta chẳng bằng người ta!

Ngày hôm qua, có một người gọi điện thoại cho tôi, là một kẻ trẻ tuổi, chắc là tiếp xúc Phật pháp chưa lâu. Anh ta vừa mở miệng bèn nói là muốn học theo pháp sư Thái Hư thông Tông, thông Giáo để trong tương lai hoằng pháp lợi sanh. Lại hỏi tôi về Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm, Duy Thức, hỏi cả một đống lớn. Tôi bảo anh ta: “Tôi rất đáng thương. Bất quá tôi tốt nghiệp Sơ Trung (Trung Học Đệ Nhất Cấp) mà thôi, thứ gì cũng chẳng thông. Nay tôi niệm một câu A Di Đà Phật, chỉ học theo mấy bà lão”. Anh ta hỏi: “Thầy học theo mấy bà già ư? Vậy mà được sao?” Tôi đáp: “Tôi thấy rất nhiều bà cụ niệm Phật vãng sanh, tôi chỉ đành học theo cách này”. Tôi nói: “Nếu anh muốn học nhiều kinh giáo ngàn ấy, Đài Loan có rất nhiều pháp sư, hoặc đại pháp sư, họ đều cao minh hơn tôi. So ra, tôi chẳng bằng bất cứ một vị nào, anh hãy

hướng về họ thỉnh giáo. Nếu anh muốn hỏi về Thiên, hãy thỉnh giáo pháp sư Thánh Nghiêm. Hỏi về Pháp Hoa Thiên Thai Tông, hãy thỉnh giáo pháp sư Hội Tánh. Nếu anh muốn học theo pháp sư Thái Hư, học trò của pháp sư Thái Hư là pháp sư Ấn Thuận, anh hãy học theo các Ngài”. Tôi nói: “Tôi chẳng thông thứ gì!” Vì thế, học Phật thì khi nào mới là thật thà? Thật sự chẳng bằng hết thầy mọi người, thấy ai cũng mạnh mẽ, cao hơn ta. Tôi không chỉ chẳng bằng ai, mà nói thật ra, chẳng dám học đòi theo họ, vì sao? Chính mình chẳng có năng lực, chẳng có trí huệ, chẳng có căn khí ấy, học không nổi! Nay tôi chỉ học theo sư Tu Vô, học đòi ông Châu Quảng Đại, học theo người đồ đệ của lão pháp sư Đệ Nhàn niệm Phật, đã chết mà vẫn có thể đứng sững ba ngày. Lòng tin ấy thật khó, thật sự chẳng dễ dàng! Tín tâm đã kiến lập thì hết thầy các pháp thế gian và xuất thế gian đều thật sự buông xuống. Bày ra trước mặt mà thật sự chẳng động tâm, thật sự buông xuống, đó là tín tâm. Cái này chúng ta cũng muốn học, cái kia cũng muốn học, [tức là] chẳng có tín tâm, vẫn đang bị lay động!

***(Sớ) Xưng Lý, tắc tự tánh biến hóa, thị chúng điều nghĩa. Tự tánh xuất sanh nhất thiết pháp môn, thị Căn Lực Giác Đạo nghĩa.***

(疏) 稱理，則自性變化，是眾鳥義；自性出生一切法門，是根力覺道義。

***(Sớ: Xưng Lý thì tự tánh biến hóa là ý nghĩa của các loài chim. Tự tánh xuất sanh hết thầy các pháp môn là ý nghĩa của Căn, Lực, Giác, Đạo).***

Đoạn chú sớ này nhằm kết quy những điều đã nói trong phần trước, kết quy vào tự tánh. Vì hết thầy các pháp đều do tự tánh lưu hiện, kinh văn đã nói rõ ràng: Các loài chim trong Tây Phương Cực Lạc thế giới do A Di Đà Phật biến hóa tạo thành. Ở đây, đại sư nói những con chim ấy do tự tánh biến hóa, tự tánh của ai vậy? Chúng ta nhất định phải biết: Tự và Tha chẳng hai. Tự tánh của Phật Di Đà và tự tánh của bản thân chúng ta là một, không hai. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới do đâu mà có? Do tự tánh của chúng ta biến hóa, nên gọi là “*duy tâm Tịnh Độ, tự tánh Di Đà*”. Có thể thấy rằng Tây Phương Cực Lạc thế giới và chúng ta có mối quan hệ mật thiết ngàn ấy! Đã biết mối quan hệ thật sự ấy, há có lẽ nào chẳng thể vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới? Quyết định vãng sanh! Cậy vào đâu? Cậy vào

tự tánh biến hóa. Chẳng phải là chuyện ở ngoài tự tánh của chúng ta, mà là chuyện thuộc trong tự tánh. Sự trông cậy này tuyệt đối đáng tin cậy, chẳng sai lầm tí nào! Không chỉ là y báo và chánh báo trang nghiêm do tự tánh biến hóa, mà vô lượng pháp môn [cũng thế]. Tự tánh sanh ra hết thảy các pháp môn. Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần, Bát Thánh Đạo Phần như kinh đã nói thảy đều sanh từ tự tánh. Tôi nhắc lại một lần nữa, tín tâm được kiến lập chính là tự tánh giác, tín tâm dao động là tự tánh mê. Do đã mê nên mới chẳng tin tưởng; đã giác, lẽ đâu chẳng tin? Vì vậy, đã tin thì nhất định giác; không tin, nhất định là mê! Lắm thứ hoa dạng, suy tưởng rất nhiều, tức là chưa giác. Giác tâm bất động! Cũng là tín tâm chẳng lay động, giác tâm bất động.

***(Sao) Hạ văn ngôn bỉ Phật biến hóa sở tác.***

(鈔) 下文言彼佛變化所作。

*(Sao: Trong phần kinh văn sau đó có nói [các loài chim] do đức Phật ấy biến hóa tạo ra).*

“*Bỉ Phật*” là A Di Đà Phật.

***(Sao) Kim vị diệu sắc, nhã âm, toàn thể thị tự tâm hiển hiện, hà đắc cao thôi thánh cảnh? Hựu tâm địa hàm chư chủng, tặc Ngũ Căn đẳng, toàn thể thị tự tâm bồi thực, hà đắc hướng ngoại trì cầu?***

(鈔) 今謂妙色雅音，全體是自心顯現，何得高推聖境。又心地含諸種，則五根等，全體是自心培植，何得向外馳求。

*(Sao: Nay nói màu sắc đẹp đẽ tuyệt diệu, âm thanh tao nhã, toàn thể do tự tâm hiển hiện, sao lại đề cao thánh cảnh? Lại nữa, tâm địa chứa đựng các hạt giống, thì những pháp như Ngũ Căn toàn là do tự tâm vun bồi, sao lại rong ruổi tìm cầu bên ngoài?)*

Mấy câu này có ý nghĩa rất sâu. “*Diệu sắc*” là nói những loài chim trong Tây Phương Cực Lạc thế giới có hình sắc xinh đẹp chẳng thể nghĩ bàn. “*Nhã âm*” là những loài chim ấy không chỉ tiếng hót vi diệu, mà còn có thể tuyên nói Phật pháp. “*Nhã âm*” là chánh âm, [tức là] âm thanh chánh đáng, chẳng tà. Toàn thể những thứ ấy đều là tự tâm hiển hiện, trong phần trên nói là “*tự tánh biến hóa*”.

**(Diễn) Dĩ tự tâm tức Di Đà, Di Đà tức tự tâm. Tâm, Phật, chúng sanh, tam vô sai biệt.**

(演) 以自心即彌陀，彌陀即自心。心佛眾生，三無差別。

**(Diễn: Do tự tâm chính là Di Đà, Di Đà chính là tự tâm. Tâm, Phật, chúng sanh, ba thứ chẳng sai biệt).**

Xúng Lý là hội quy tự tánh. A Di Đà Phật là ai? A Di Đà Phật là Chân Như bản tánh của chúng ta. Do vậy nói: Tự tâm là Di Đà, Di Đà là tự tâm. Di Đà biến hóa tạo ra, tức là tự tánh biến hóa tạo ra. Kinh Hoa Nghiêm dạy: “*Ứng quán pháp giới tánh, nhất thiết duy tâm tạo*” (Hãy nên quán tánh pháp giới, hết thảy chỉ do tâm tạo). “*Pháp giới*” là nói toàn thể vũ trụ và nhân sinh, sâm la vạn tượng, trong Phật pháp nói là “*tình và vô tình*”, những thứ ấy do đâu mà có? Hết thảy chỉ do tâm tạo. Tận hư không khắp pháp giới là một tự tánh, tận hư không khắp pháp giới là chính mình. Nếu quý vị thật sự giác ngộ, bèn gọi là “Phật”. Nếu quý vị mê thì gọi là “chúng sanh”. Chúng sanh và Phật là do mê hay ngộ khác nhau mà kiến lập giả danh.

Trên thực tế, mê và ngộ bất nhị! Giác ngộ cũng là dáng vẻ này, mà mê cũng là dáng vẻ này; thật ra, sự thật là trọn chẳng vì có giác và mê mà biến đổi, chỉ là trong cảnh giới giác hay mê, sự cảm nhận quả thật chẳng giống nhau. Mê có khổ thọ, quý vị cảm nhận nổi khổ. Sau khi đã giác, sẽ là lạc thọ. Lạc ở đây chẳng phải là Lạc trong khổ lạc. Lạc trong khổ lạc, [nói rộng hơn là] khổ, lạc, ưu, hỷ, xả đều là sự cảm nhận trong khi mê. Do đã mê, nên có khổ, lạc, ưu, hỷ, xả. Đã giác ngộ thì khổ, lạc, ưu, hỷ, xả thấy đều chẳng có, nên mới gọi là Cực Lạc, tức lạc chân thật. Lạc ấy chẳng phải là lạc trong khổ lạc. Lạc trong khổ lạc là tương đối, chẳng phải là chân thật.

“*Tâm, Phật, chúng sanh, tam vô sai biệt*” là điều đức Phật thường nói trong kinh Đại Thừa, tuy ba mà một, tuy một mà ba. Nói thật ra, vô lượng chúng sanh mê hoặc, điên đảo đối với Sự Lý này, đó gọi là “khởi Hoặc, tạo nghiệp”, oan uổng hứng chịu luân hồi trong lục đạo. Hoàn toàn hiểu rõ chân tướng sự thật, tâm người ấy quyết định là thanh tịnh, quyết định là bình đẳng, quyết định là đại từ đại bi, giống như Phật và các vị Đại Bồ Tát, vô duyên đại từ, đồng thể đại bi, tự nhiên lưu lộ. Tuyệt đối chẳng do người khác khuyên lơn, ép buộc, chẳng phải là như

vậy, vì sao? Đó là Tánh Đức lưu lộ, tự nhiên lưu lộ. Vì thế, chúng ta quan sát thế gian này, quan sát hết thấy hữu tình và vô tình, kẻ nào mê, kẻ nào giác, kẻ nào mê đến mức độ nào, kẻ nào giác đến mức độ nào, nói thật ra, đều bày ra trước mắt! Rành mạch, rõ ràng. Vì sự biểu hiện của họ đích xác là khác nhau, do giác hay mê biểu hiện khác nhau. Nói theo cách hiện thời, [sẽ là] nhân sinh quan khác nhau, giá trị quan khác nhau, nên hành động chắc chắn là khác nhau.

**(Diễn) Phật biến hóa, tức tâm biến hóa dã. Hựu tự tâm sắc tâm bất nhị, Cực Lạc y chánh trang nghiêm bất ly đương nhân nhất niệm cố.**

(演) 佛變化，即心變化也。又自心色心不二，極樂依正莊嚴不離當人一念故。

**(Diễn: Phật biến hóa chính là tâm biến hóa. Lại nữa, tự tâm, sắc tâm chẳng hai, y báo và chánh báo trong cõi Cực Lạc chẳng là một niệm của đương nhân).**

Thế giới Cực Lạc là thế giới được hiện bởi một niệm thanh tịnh tâm của chúng ta, thế giới trước mắt chúng ta là cảnh giới do một niệm uế tâm biến hiện. Sa Bà và Cực Lạc đều chẳng là một niệm của đương nhân. Nay chúng ta một niệm mê, một niệm bất giác, một niệm uế, nên hiện ra cảnh giới này. Nếu nay ý niệm của chúng ta vừa chuyển, một niệm giác, một niệm tịnh, cảnh giới được hiện sẽ là Tây Phương Cực Lạc thế giới. Không riêng gì hai cõi Sa Bà và Cực Lạc, mà thậm chí mười phương hết thấy các cõi Phật, kinh nói có hằng hà sa số, vô lượng vô biên [các cõi Phật], thấy đều chẳng rời một niệm của đương nhân. Chỉ là chúng ta chẳng có cách nào tưởng tượng tâm lượng của tự tánh, trước nay cũng chưa hề nghĩ đến. Vì sao? Hằng ngày khởi tâm động niệm, suy nghĩ, đều vạch ra một phạm vi rất bé: “Ta, cái của ta, lợi ích của ta, ưu điểm của ta”. Vạch ra phạm vi ấy rất bé, chẳng biết tâm lượng của chính mình rốt cuộc to cỡ nào!

Đức Phật rất xảo diệu, bảo chúng ta trước hết hãy đến Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đã đến Tây Phương Cực Lạc, mới thật sự nhận biết chính mình, tâm lượng của chính mình vốn tận hư không khắp pháp giới. Chẳng vắng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chắc chắn chẳng thể nào nhận biết chính mình! Đó là sự thiện xảo trong việc dạy học của đức Phật. Vì lẽ đó, Thập Hạnh (tức mười Ba La Mật) của Văn Thù Bồ Tát,

tức Bồ Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Thiên Định, Bát Nhã, Phương Tiện, Nguyện, Lực, Trí, nếu chẳng sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng thể nào viên mãn mười thứ ấy! Mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát, từ Lễ Kính Chư Phật cho đến Phổ Giai Hồi Hướng, mà nếu chẳng sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, cũng chẳng thể viên mãn. Nguyên nhân là đâu? Chẳng sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ chẳng thể hoàn toàn nhận biết chính mình! Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới thì mới hoàn toàn nhận biết diện mục của chính mình, cho nên mới đạt đến viên mãn rốt ráo.

“*Hà đắc cao thôi thánh cảnh*” (Há nên đề cao thánh cảnh), “*cao thôi*” (高推) chính là [cho rằng] đây là cảnh giới của Phật, Bồ Tát, thánh nhân, chúng ta làm sao có thể thực hiện được? Chúng ta dùng phương pháp Niệm Phật bèn làm được! Vì phương pháp Niệm Phật, pháp môn này, thừa cùng chư vị, trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, trong vô lượng pháp môn, pháp môn này được gọi là pháp môn bình đẳng. Các pháp môn khác chẳng phải là bình đẳng, vì chúng nhằm độ những đối tượng được tuyển chọn. Đã là chọn lựa đối tượng, đương nhiên là chẳng bình đẳng. Ví như Thiên của Lục Tổ đại sư, Đàn Kinh đã nói rất rõ ràng: Đối tượng tiếp dẫn của Tổ là bậc thượng thượng thừa. Thần Tú đại sư tiếp dẫn hạng Đại Thừa, còn Lục Tổ tiếp dẫn người thượng thượng thừa. Quý vị hãy suy nghĩ xem: Bình đẳng hay bất bình đẳng? Bất bình đẳng! Do đó, trong vô lượng vô biên pháp môn, chỉ có mình pháp môn này là bình đẳng. Quý vị là bậc thượng thì ta cũng là bậc thượng theo quý vị, quý vị là bậc hạ, ta cũng là bậc hạ theo quý vị, vĩnh viễn là bình đẳng. Trên là bình đẳng với Đẳng Giác Bồ Tát, dưới thì cũng bình đẳng với [chúng sanh trong] địa ngục A Tỳ, pháp môn này diệu là diệu ở chỗ này!

Vãng sanh thế giới Cực Lạc cũng bình đẳng, vì sao? Nhân bình đẳng, đương nhiên quả bình đẳng. Vì vậy, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân hình, màu da, tướng mạo của chúng ta hoàn toàn giống như A Di Đà Phật. Người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới có diện mạo hoàn toàn giống nhau, chẳng giống như chúng ta, mỗi người diện mạo mỗi khác! Nay chúng ta tạo tượng Phật, do cùng một khuôn mẫu chế ra, tất cả đều giống nhau. Vì sao có thể giống nhau? Vì tu nhân như nhau, họ tu cái nhân bình đẳng, nên chúng cái quả bình đẳng. Thế giới ấy được gọi là “thế giới bình đẳng”, chư vị niệm kinh Vô Lượng Thọ đều hiểu rõ ràng, minh bạch điều này. Vì nó là cái nhân bình đẳng, nên ai nấy đều có thể học. Vì nó là cái quả bình đẳng, nên ai nấy đều có thể đạt được. Đây là điều chẳng thể nghĩ bàn! Chính vì nhân và quả đều bình đẳng, nên

mười phương chư Phật tán thán, mười phương chư Phật hoằng dương, mười phương chư Phật phổ biến giới thiệu pháp môn này cùng hết thảy chúng sanh.

Trong quá khứ, tuy tôi được tiếp xúc pháp môn này rất sớm, nhưng tôi chẳng hiểu rõ Sự Lý chân chánh trong pháp môn này, nên mới nghiên cứu, tìm tòi rộng rãi các kinh luận Đại Thừa. Về sau, khi đã hiểu rõ Sự Lý, thật sự hiểu rõ, tất cả hết thảy kinh giáo tôi đều bỏ sạch, mới biết đối với tôi, nhưng thứ ấy vô dụng. Những thứ ấy có tác dụng lớn nhất là tạo thành một cái cầu ván bắc tạm [giữa thuyền và bờ] để tôi nhận thức pháp môn này. Đến khi tôi đã nhận biết pháp môn này, [tức là] tôi đã vượt qua rồi, đã vượt sông rồi, chẳng cần thuyền nữa, bỏ đi! Những kinh điển Đại Thừa như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa khiến cho tôi vượt đến bờ kia, tức là kinh Vô Lượng Thọ. Tôi thật sự nhận thức, liễu giải pháp môn này, đã vượt sang bờ kia, trọn chẳng cần đến những công cụ ấy nữa. Vì thế, biết chân tướng sự thật, từ nay trở đi, chẳng còn đề cao thánh cảnh.

*“Hựu tâm địa hàm chư chủng, tác Ngũ Căn đẳng, toàn thể thị tự tâm bồi thực”* (Lại nữa, tâm địa chứa đựng các hạt giống, thì những pháp như Ngũ Căn toàn là do tự tâm vun bồi). *“Tâm địa hàm chư chủng”*: Bài kệ truyền pháp của Thiên Tông Lục Tổ có câu: *“Tâm địa hàm chư chủng, phổ vũ tất giai manh, đốn ngộ hoa tình dĩ, Bồ Đề quả tự thành”* (Tâm địa chứa các hạt, mưa xuống đều nảy mầm, hoa tình thức đốn ngộ, quả Bồ Đề tự thành). Bài kệ này trích từ Lục Tổ Đàn Kinh. *“Tâm địa”* chính là tự tánh được nói trong phần trên, là chân tâm của chính mình. Thật ra, câu ấy chính là [cách diễn tả khác] của một câu do Lục Tổ đã thốt ra khi khai ngộ: *“Nào ngờ tự tánh vốn trọn đủ”*. Hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian trong tận hư không khắp pháp giới vốn trọn đủ trong tự tánh. Đương nhiên, Ngũ Căn và Ngũ Lực cũng vốn sẵn có trong tự tánh. Kinh Hoa Nghiêm, kinh Pháp Hoa, Đại Tạng Kinh, cũng sẵn có trong tự tánh. Sách vở xưa của Trung Quốc như Tứ Khố Toàn Thư và tất cả hết thảy văn tự được xuất bản trên cả thế giới hiện thời, không có thứ gì chẳng có sẵn đầy đủ trong tự tánh. Vì vậy, nếu quý vị kiến tánh, sẽ thông đạt hết thảy, pháp thế gian và xuất thế gian đều hoàn toàn thông đạt.

Lúc tôi mới học Phật, thích xem truyện ký. Cao Tăng Truyện và Thần Tăng Truyện có chép truyện của một vị, nói vị ấy có thần thông. Vị ấy cùng một chàng Tú Tài đang thảo luận Phật pháp. Chàng Tú Tài chẳng đỗ Cử Nhân bèn tức tối, tự cảm thấy văn chương của chính mình



rất hay, quan giám khảo chẳng thể nào không chấm đậu! Vị pháp sư ấy bèn nói: “Ta biết bài văn ấy của anh”. Anh ta nói: “Thầy làm sao mà biết được?” Sư bèn lục lại trong đây, lôi ra, hỏi: “Có phải là bài này hay không?” Anh ta thấy đúng là như vậy, bèn hỏi: “Từ đâu mà thầy có?” “Trong tự tánh của ta vốn sẵn có trọn đủ”. Không chỉ là bản gốc, mà Sư còn lấy từ trong đây ra, do tự tánh có thể biến hóa đó mà! Cho đến sau này, [khi] chúng tôi thông đạt lý luận này, mới biết đích xác đó là chuyện có thể xảy ra!

Do điều này có thể biết, đích xác là chúng ta khởi tâm động niệm đối gạt một kẻ ngu mê hoặc, điên đảo thì có thể lường gạt được, nhưng chẳng có cách nào gạt gẫm một người trí huệ, nhất tâm thanh tịnh. Vì sao? Người ta biết rõ. Nhưng chư vị phải biết: Hiện thời chúng ta đối gạt một kẻ ngu si, một ngày nào đó, kẻ ngu si ấy học Phật kiến tánh, biết rõ chuyện trong vô lượng kiếp trước thì vẫn chẳng thể gạt kẻ ấy được, chẳng gạt được chuyện gì! Vì vậy, chúng ta muốn dấy lên ý niệm lừa gạt kẻ khác, chiếm tiện nghi của người ta; nói thật ra, đó là chính mình tạo nên nỗi oan nghiệt. Người khác có thật sự bị thiệt thòi hay không? Ta có thật sự chiếm được tiện nghi hay không? Chẳng có! Quyết định chẳng có chuyện ấy! Chính mình tạo nghiệt, tự mình chịu báo, đúng là “*một hớp uống, một miếng ăn, không gì chẳng phải là định sẵn*”. “*Định sẵn*” là gì? Do chính mình tạo ra. Chính mình khởi tâm động niệm tạo tác, chính mình phải gánh chịu quả báo ấy!

Ở đây, khẩn yếu là câu tiếp theo: “*Toàn thể thị tự tâm bồi thực*” (Toàn thể do tự tâm vun bồi). Trong phần chú giải đã giảng: “*Tâm địa vô nghi, tức thị Tín. Tâm địa vô giải (bất giải đãi), tức thị Tinh Tấn. Tâm địa vô si, tức thị Huệ*” (Tâm địa chẳng nghi, chính là Tín. Tâm địa chẳng biếng nhác, chính là Tinh Tấn. Tâm địa chẳng si, chính là Huệ), giải thích Ngũ Căn, Ngũ Lực, Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ, Thất Bồ Đề Phần, Bát Thánh Đạo Phần toàn là do tự tâm vun bồi. Sự vun bồi ấy do Tín khởi đầu, nên Tín là một chữ then chốt, hết sức trọng yếu!

***(Sao) Cố tiên đức vị Tín tâm kiên cố, trạm nhược hư không, tức Ngũ Căn Lực. Giác tâm bất khởi, tức Thất Giác Chi. Trực liễu tâm tánh, tà chánh bất can, tức Bát Chánh Đạo. Cố vân hải sanh vạn vật, vô vật bất hải, tâm sanh vạn pháp, vô pháp bất tâm.***

(鈔) 故先德謂信心堅固，湛若虛空，即五根力；覺心不起，即七覺支；直了心性，邪正不干，即八正道。故云海生萬物，無物不海，心生萬法，無法不心。

(Sao: Vì thế, tiên đức nói: “Tín tâm kiên cố, tĩnh lặng như hư không, chính là Ngũ Căn, Ngũ Lực. Giác tâm chẳng khởi, tức Thất Giác Chi. Trực tiếp liễu giải tâm tánh, chẳng liên can đến tà hay chánh, chính là Bát Chánh Đạo”. Vì thế nói: Biển sanh ra muôn vật, không vật nào chẳng thuộc về biển. Tâm sanh vạn pháp, chẳng pháp nào không phải là tâm).

“Tiên đức” (先德) là cổ đại đức, chẳng nêu rõ tên họ. Cổ nhân có cách nói ấy, giải thích rất hay. “Tín tâm kiên cố, tràm nhược hư không”: Hư không chẳng thể phá hoại. Câu này sánh ví Tín Lực chẳng có cách nào phá hoại. Đó là sức mạnh của Ngũ Căn, cũng tức là Tín niệm của chúng ta chẳng thể lay động. “Giác tâm bất khởi, tức Thất Giác Chi”: Đối với Thể, Tướng và tác dụng (Dụng) của hết thảy các pháp, quả thật đã liễu giải, hiểu rõ, khẳng định. Nói cách khác, trong hết thảy vạn pháp, tuyệt đối chẳng còn khởi tâm động niệm, đó là Thất Giác Chi viên mãn. Phần chú giải có giải thích: “Giác tâm bất khởi, nhất niệm bất sanh, nãi chân Giác Chi” (Giác tâm chẳng khởi, chẳng sanh một niệm, chính là Giác Chi chân thật). Bởi lẽ, giác tâm bất động, tâm động là mê. Tâm động là bất giác. Khi tâm đạt đến bất động, chính là thật sự triệt để giác ngộ.

“Trực liễu tâm tánh, tà chánh bất can, tức Bát Chánh Đạo” (Trực tiếp liễu giải tâm tánh, chẳng dính dáng đến tà hay chánh, chính là Bát Chánh Đạo). “Can” (干) là quấy nhiễu, dính dáng. Chánh pháp hay tà pháp thảy đều chẳng thể quấy nhiễu, dính líu. Vì sao? Biết chánh pháp và tà pháp thảy đều do tự tánh biến hiện, tà và chánh là một, không hai. Do đó, trong hết thảy các pháp chẳng động tâm, nên gọi là Chánh Đạo, tà lẫn chánh cùng mất! Còn có tà và chánh đối lập thì đối lập chẳng phải là Chánh thật sự. Chẳng có đối lập thì mới là Chánh thật sự. Cách xưng hô “nhân giả” (仁者) trong Phật môn là tiếng để tôn xưng bậc giác ngộ. Trong kinh, đối với Phật bèn gọi là Nhân Giả, mà đối với Bồ Tát cũng gọi là Nhân Giả. Nho gia nói: “Nhân giả vô địch” (Người có lòng nhân, chẳng có kẻ đối địch). “Địch” (敵) là đối địch, là tương đối. Một người

tâm thanh tịnh, bèn chẳng có tương đối. Thí dụ như tà và chánh, tà và chánh là đối lập, có cái đối nghịch, đối địch đấy! Thiện và ác đối địch, chân và vọng là đối địch. Trong tâm còn có đối địch thì chẳng phải là Bồ Tát. Theo như kinh Kim Cang đã nói, dùng tiêu chuẩn trong kinh Kim Cang [để luận định], tâm Bồ Tát thanh tịnh, chẳng có đối địch, vì Ngài lìa tứ tướng, lìa tứ kiến. Nếu còn có tứ tướng, tứ kiến, trong tâm Ngài vẫn có đối lập. Hễ có đối lập, sẽ chẳng phải là Bồ Tát thật sự. Đến khi hết thấy các thứ đối lập đều chẳng có thì mới gọi là Bát Chánh Đạo.

Kết luận cuối cùng rất hay. Đây là một tỷ dụ: “*Hải sanh vạn vật*” (Biển sanh ra vạn vật). Trong biển sanh ra rất nhiều thứ, chúng đều được sanh từ biển cả. “*Vạn vật bất hải*” (Muôn vật không gì chẳng thuộc vào biển), toàn bộ đều ở trong biển, chẳng rời khỏi phạm vi của biển. “*Tâm sanh vạn pháp*”, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới toàn là do chính cái tâm của chúng ta sanh ra, ngay cả hư không cũng vậy. Cho nên, “*vô pháp bất tâm*”, [nghĩa là] chẳng có pháp nào không phải là tự tâm. Do đó, hỏi quý vị, cái tâm của quý vị là gì? Chẳng có một pháp nào không phải là nó. Vì sao? Hết thấy các pháp đều do tự tâm biến hiện, có pháp nào chẳng phải là tự tâm! Nói rất rõ ràng, nhưng cảnh giới vẫn chẳng dễ hiểu cho lắm! Chúng tôi thường dùng chuyện nằm mộng để tỷ dụ. Toàn thể giấc mộng do tự tâm của quý vị biến hiện. Nếu trong khi đang nằm mộng, bỗng dưng biết chính mình đang nằm mộng, hãy hỏi: Có thứ gì trong mộng chẳng phải là chính mình? Núi, sông, đại địa, một ngọn cỏ, một cái cây, toàn là do tâm của chính mình biến hiện. Chẳng có một pháp nào chẳng phải là tự tâm, đó mới gọi là Bát Chánh Đạo.

Đây là hoàn toàn hội quy đoạn kinh văn này về tự tánh, trở về với chính mình, đấy mới là thật sự giác ngộ, giác ngộ chân thật. Chẳng ngừng làm như vậy, mỗi ngày bèn có một chút tiểu ngộ. Tích tụ tiểu ngộ sẽ thành đại ngộ, tích tập đại ngộ sẽ thành đại triệt đại ngộ. Đạt đến đại triệt đại ngộ thì sự niệm Phật của chúng ta sẽ là Lý nhất tâm bất loạn; khi ấy, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn là thượng phẩm thượng sanh trong cõi Thật Báo. Do đó, tham cứu, nghiên cứu kinh giáo có điều lợi ích này, nhưng đối với điều lợi ích ấy, chính mình phải chú tâm thấu hiểu, chớ nên phân biệt, chấp trước. Hễ phân biệt, chấp trước thì lại rơi vào thức thứ sáu, tức Ý Thức. Do đó, chớ nên phân biệt, chớ nên chấp trước, vẫn thật thà niệm một câu A Di Đà Phật đến cùng, niệm một liên nghỉ, nghỉ khỏe xong lại niệm tiếp. Đó là đúng. Những đại đạo lý này hoàn toàn thuộc trong một câu Phật hiệu, có rất nhiều người hiểu, nhưng

đã hiểu mà không chịu niệm thì cũng như không, vô dụng! Kẻ chẳng hiểu, nhưng có thể niệm như vậy, sẽ hoàn toàn đạt được những đạo lý ấy. Hôm nay, chúng tôi giảng tới chỗ này.